

Sở Giáo dục và Đào tạo Bà Rịa – Vũng Tàu
 Kỳ thi: Tuyển sinh lớp 10 năm học 2025-2026
 Khóa ngày: 5-7/6/2025
 Hội đồng: THPT Trần Hưng Đạo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
BẢNG GHI ĐIỂM THI

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	530001	Nguyễn Duy An		20/06/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	1.00	1.25	2.25	4.50
2	530002	Nguyễn Huỳnh Quốc An		07/11/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	3.25	5.75	4.25	13.25
3	530003	Huỳnh Minh An		13/09/2010	THCS Hùng Vương (PM)	6.00	6.25	4.00	16.25
4	530004	Phan Nhật An		30/11/2009	THCS Hùng Vương (PM)	4.25	6.25	2.25	12.75
5	530005	Phạm Thị Thúy An	x	20/03/2010	THCS Bạch Đằng	5.50	3.50	3.75	12.75
6	530006	Ngô Thủy An	x	27/04/2010	THCS Bạch Đằng	5.50	7.00	4.50	17.00
7	530007	Nguyễn Đan Anh	x	02/09/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	6.50	8.50	7.25	22.25
8	530008	Nguyễn Hoài Anh	x	16/07/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	6.50	9.00	8.25	23.75
9	530009	Nguyễn Hoàng Bảo Anh		29/08/2010	THCS Hùng Vương (PM)	4.00	5.50	7.25	16.75
10	530010	Đặng Hữu Hoàng Anh		24/09/2010	THCS Phước Hòa	3.75	7.25	6.25	17.25
11	530011	Nguyễn Kiều Mỹ Anh	x	10/09/2010	THCS Phước Hòa	4.25	4.75	3.25	12.25
12	530012	Vũ Mai Anh	x	11/04/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.00	7.75	8.00	20.75
13	530013	Vũ Ngọc Lan Anh	x	30/07/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	5.00	2.75	5.50	13.25
14	530014	Đinh Ngọc Minh Anh	x	17/10/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.00	7.00	4.25	16.25
15	530015	Nguyễn Ngọc Phương Anh	x	11/01/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.00	7.50	4.00	16.50
16	530016	Lê Ngọc Quỳnh Anh	x	08/09/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	3.50	4.00	1.50	9.00
17	530017	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	x	27/03/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.00	8.50	4.00	17.50
18	530018	Đỗ Nguyễn Hoài Anh	x	05/03/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	4.50	6.25	4.25	15.00
19	530019	Vũ Phan Hải Anh	x	11/09/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.00	7.25	6.25	18.50
20	530020	Lê Quốc Anh		19/05/2010	THCS Bạch Đằng	5.50	5.25	3.00	13.75
21	530021	Trần Thế Anh		02/05/2010	THCS Tân Phước	4.75	7.25	3.00	15.00
22	530022	Ngô Thị Kim Anh	x	24/12/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	4.75	5.25	2.75	12.75
23	530023	Doãn Trang Anh	x	16/04/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.50	9.00	6.50	21.00
24	530024	Vũ Trâm Anh	x	05/09/2010	THCS Phước Hòa	5.00	6.50	3.25	14.75
25	530025	Chu Truyền Anh		16/06/2010	THCS Phước Hòa	4.50	4.50	3.00	12.00
26	530026	Ngô Tuấn Anh		04/03/2010	THCS Tân Phước	5.75	4.00	2.75	13.50
27	530027	Trần Tuấn Anh		24/01/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.00	7.25	5.00	17.25
28	530028	Trương Vũ Quỳnh Anh	x	28/02/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	6.75	8.50	6.75	22.00
29	530029	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	x	13/11/2010	THCS Phước Hòa	5.50	8.50	9.00	23.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
30	530030	Hà Gia Ân		24/01/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.25	4.50	2.50	12.25
31	530031	Mai Nguyễn Duy Ân		28/04/2010	THCS Phước Hòa	6.75	8.75	8.00	23.50
32	530032	Lê Nguyễn Thiên Ân		18/08/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	2.75	3.25	3.50	9.50
33	530033	Nguyễn Thiên Ân		16/12/2010	THCS Phước Hòa	3.50	5.75	3.00	12.25
34	530034	Đoàn Gia Bảo		07/05/2010	THCS Hùng Vương (PM)	3.00	5.75	2.50	11.25
35	530035	Nguyễn Gia Bảo		25/07/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	3.75	1.75	3.50	9.00
36	530036	Nguyễn Gia Bảo		11/01/2010	THCS Phước Hòa	6.50	6.50	3.25	16.25
37	530037	Trần Gia Bảo		18/11/2010	THCS Bạch Đằng	5.50	4.75	5.00	15.25
38	530038	Nguyễn Hoàng Gia Bảo		11/10/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.75	8.50	4.00	18.25
39	530039	Nguyễn Ngọc Bảo		24/04/2009	THCS Bạch Đằng	5.00	3.75	2.00	10.75
40	530040	Nguyễn Thái Bảo		23/08/2010	THCS Tân Phước	5.25	7.25	4.00	16.50
41	530041	Nguyễn Vũ Hoàng Gia Bảo		03/03/2010	THCS Hùng Vương (PM)	6.00	9.00	9.50	24.50
42	530042	Ngô Thị Khánh Băng	x	06/04/2010	THCS Phước Hòa	6.50	7.25	9.75	23.50
43	530043	Lê Hữu Bằng		27/10/2009	THCS Bạch Đằng	6.00	1.75	1.50	9.25
44	530044	Nguyễn Thị Ngọc Bin	x	10/11/2008	THCS Hùng Vương (PM)	6.50	4.50	6.50	17.50
45	530045	Ngô Kim Bình	x	31/05/2010	THCS Bạch Đằng	7.00	8.50	5.50	21.00
46	530046	Ngô Thái Bình		07/07/2010	THCS Bạch Đằng	4.75	5.50	2.75	13.00
47	530047	Phạm Trương Thái Bình		01/08/2010	THCS Hùng Vương (PM)	4.75	7.25	5.00	17.00
48	530048	Hồ Võ Thúy Bình	x	05/09/2010	THCS Bạch Đằng	4.25	4.75	5.25	14.25
49	530049	Nguyễn Ngọc Bích	x	14/09/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.75	4.25	5.50	15.50
50	530050	Nguyễn Ngọc Bích	x	04/02/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)				0.00
51	530051	Hồ Nguyễn Ngọc Bích	x	25/04/2010	THCS Tân Phước	4.25	3.50	3.50	11.25
52	530052	Vũ Nguyễn Ngọc Bích	x	30/03/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	7.00	8.50	9.25	24.75
53	530053	Võ Trung Chánh		19/05/2010	THCS Bạch Đằng	7.00	7.00	3.75	17.75
54	530054	Phạm Thị Ngọc Châu	x	29/12/2009	THCS Phước Hòa	4.25	4.75	3.00	12.00
55	530055	Hồ Trần Ngọc Châu	x	07/01/2010	THCS Phước Hòa	4.25	6.25	4.25	14.75
56	530056	Phạm Đức Chiến		26/11/2009	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.25	5.00	1.75	12.00
57	530057	Nguyễn Thanh Chương		16/11/2010	THCS Hùng Vương (PM)	6.25	8.50	8.50	23.25
58	530058	Nguyễn Công Chức		08/06/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.50	5.00	3.25	13.75
59	530059	Nguyễn Thành Công		30/11/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	4.75	8.00	2.25	15.00
60	530060	Nguyễn Nhật Cường		10/09/2010	THCS Bạch Đằng	4.00	4.50	4.75	13.25
61	530061	Ngô Quốc Cường		13/11/2010	THCS Hùng Vương (PM)	3.00	2.00	3.25	8.25
62	530062	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	x	18/09/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	4.25	2.00	2.25	8.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
63	530063	Đoàn Thúy Diễm	x	15/05/2009	THCS Bạch Đằng	6.50	4.75	3.00	14.25
64	530064	Vũ Bùi Ngọc Diệp	x	04/09/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	4.75	8.00	5.00	17.75
65	530065	Nguyễn Thanh Diệp	x	09/01/2010	THCS Bạch Đằng	6.25	2.50	2.00	10.75
66	530066	Nguyễn Thị Ngọc Diệu	x	30/09/2010	THCS Bạch Đằng	5.50	5.00	1.50	12.00
67	530067	Phạm Tuấn Đình		24/12/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.00	2.00	4.75	11.75
68	530068	Phạm Đắc Nhật Duy		19/07/2010	THCS Bạch Đằng	3.25	2.50	3.25	9.00
69	530069	Vũ Hoàng Duy		10/12/2010	THCS Phước Hòa	5.25	5.50	6.75	17.50
70	530070	Nguyễn Hữu Duy		14/10/2010	THCS Bạch Đằng	4.75	2.00	2.75	9.50
71	530071	Nguyễn Khánh Duy		05/03/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	6.00	3.75	1.50	11.25
72	530072	Lâm Minh Duy		07/08/2010	THCS Bạch Đằng	6.00	5.25	3.75	15.00
73	530073	Thái Minh Duy		17/09/2010	THCS Bạch Đằng	7.00	7.50	6.75	21.25
74	530074	Trương Nguyễn Anh Duy		31/08/2010	THCS Hùng Vương (PM)	6.00	8.75	7.75	22.50
75	530075	Lê Trung Duy		05/05/2010	THCS Bạch Đằng	4.75	7.75	2.25	14.75
76	530076	Đặng Mỹ Duyên	x	30/08/2010	THCS Phước Hòa	6.50	8.50	7.00	22.00
77	530077	Nguyễn Ngọc Thùy Duyên	x	13/12/2010	THCS Bạch Đằng	6.25	7.25	5.25	18.75
78	530078	Bùi Thị Mộng Duyên	x	19/11/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.25	8.25	6.00	19.50
79	530079	Phan Thị Mỹ Duyên	x	26/10/2010	THCS Hùng Vương (PM)	6.50	8.00	6.50	21.00
80	530080	Ngô Thùy Duyên	x	03/09/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.25	8.50	4.00	17.75
81	530081	Trần Đình Quốc Dũng		03/06/2010	THCS Bạch Đằng	6.00	3.00	3.75	12.75
82	530082	Nguyễn Đoàn Minh Dũng		06/04/2010	THCS Bạch Đằng	6.00	6.50	4.50	17.00
83	530083	Nguyễn Phạm Anh Dũng		31/07/2010	THCS Tân Phước	3.75	4.75	1.50	10.00
84	530084	Nguyễn Trọng Dũng		18/05/2010	THCS Bạch Đằng	5.00	4.75	4.75	14.50
85	530085	Phan Ngọc Thùy Dương	x	25/06/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.00	7.00	4.50	16.50
86	530086	Nguyễn Nhật Dương		08/07/2010	THCS Hùng Vương (PM)	4.75	8.50	6.00	19.25
87	530087	Nguyễn Nhã Đan	x	08/07/2010	THCS Bạch Đằng	6.00	8.75	6.25	21.00
88	530088	Nguyễn Văn Thế Đan		12/04/2009	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	1.75	3.00	1.50	6.25
89	530089	Vũ Ngọc Cẩm Đào	x	25/01/2010	THCS Phước Hòa	5.75	8.50	4.25	18.50
90	530090	Mai Trúc Đào	x	02/07/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	2.25	3.00	1.50	6.75
91	530091	Nguyễn Quốc Đạt		03/01/2010	THCS Bạch Đằng	6.25	8.75	6.75	21.75
92	530092	Trần Tấn Đạt		09/09/2010	THCS Hùng Vương (PM)	2.75	6.00	4.25	13.00
93	530093	Võ Thành Đạt		30/01/2010	THCS Bạch Đằng	6.25	6.50	5.50	18.25
94	530094	Trần Thiện Vũ Quốc Đạt		17/03/2010	THCS Phước Hòa	5.25	9.00	7.75	22.00
95	530095	Mai Tiến Đạt		04/10/2010	THCS Hùng Vương (PM)	6.50	9.00	9.50	25.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
96	530096	Phạm Trương Tuấn Đạt		10/03/2010	THCS Bạch Đằng	5.50	6.00	7.25	18.75
97	530097	Nguyễn Hồng Hải Đăng		20/11/2010	THCS Phước Hòa	5.00	8.50	8.00	21.50
98	530098	Vũ Văn Đăng		21/06/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	3.25	7.25	3.25	13.75
99	530099	Lê Văn Minh Đăng		26/02/2010	THCS Hùng Vương (PM)	3.50	8.50	6.75	18.75
100	530100	Đinh Hữu Điền		20/01/2010	THCS Bạch Đằng	5.75	8.25	5.75	19.75
101	530101	Đỗ Hoàng Hải Đông		27/07/2010	THCS Phước Hòa	4.00	7.75	5.75	17.50
102	530102	Trương Nhật Đông		21/11/2010	THCS Bạch Đằng	5.25	7.00	4.00	16.25
103	530103	Nguyễn Hoàng Đức		08/12/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.50	8.50	6.75	20.75
104	530104	Nguyễn Hoàng Kim Tâm Đức	x	13/07/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.00	2.25	1.50	8.75
105	530105	Nguyễn Hồng Đức		24/07/2010	THCS Phú Mỹ	1.50	2.50	3.50	7.50
106	530106	Nguyễn Minh Đức		24/07/2010	THCS Hùng Vương (PM)	6.50	8.00	9.50	24.00
107	530107	Hoàng Nguyễn Trí Đức		11/06/2010	THCS Tân Phước	6.00	5.75	3.25	15.00
108	530108	Lê Văn Minh Đức		16/09/2010	THCS Phước Hòa	5.00	9.25	6.75	21.00
109	530109	Phạm Hoàng Trúc Giang	x	30/07/2009	THCS Tân Phước	4.25	3.75	2.75	10.75
110	530110	Hà Trường Giang		12/02/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	4.50	4.00	4.00	12.50
111	530111	Nguyễn Hoàng Nguyên Giáp		24/07/2010	THCS Phước Hòa	2.75	7.00	1.75	11.50
112	530112	Trương Bùi Việt Hà	x	13/08/2010	THCS Bạch Đằng	7.50	7.75	8.25	23.50
113	530113	Phan Thanh Hà		06/07/2010	THCS Phước Hòa	6.00	7.00	4.50	17.50
114	530114	Trần Thanh Hà	x	24/01/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	7.00	8.50	5.25	20.75
115	530115	Nguyễn Thị Ngọc Hà	x	26/08/2010	THCS Tân Phước	7.00	8.25	4.75	20.00
116	530116	Vũ Thị Thanh Hà	x	04/11/2008	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.00	5.00	2.50	12.50
117	530117	Vũ Thị Thái Hà	x	31/01/2010	THCS Phước Hòa	5.50	3.25	4.50	13.25
118	530118	Trần Thị Thu Hà	x	06/11/2010	THCS Phước Hòa	5.75	7.75	5.50	19.00
119	530119	Hồng Kiến Hào		31/01/2009	THCS Hùng Vương (PM)	4.75	6.50	5.50	17.75
120	530120	Vũ Trọng Hào		22/06/2010	THCS Tân Phước	3.25	0.50	1.50	5.25
121	530121	Nguyễn Tiến Hải		29/08/2010	THCS Tân Phước	3.50	4.25	3.00	10.75
122	530122	Huỳnh Tuấn Hải		20/07/2010	THCS Bạch Đằng	8.25	6.00	7.50	21.75
123	530123	Bùi Văn Hải		09/12/2009	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	0.75	5.50	3.00	9.25
124	530124	Mai Thị Kim Hào	x	04/12/2010	THCS Bạch Đằng	7.00	5.50	4.75	17.25
125	530125	Đinh Hiếu Hạnh	x	11/12/2010	THCS Phước Hòa	5.00	8.75	9.50	23.25
126	530126	Trần Mỹ Hạnh	x	20/05/2010	THCS Hùng Vương (PM)	4.50	4.50	2.75	11.75
127	530127	Vũ Bảo Thanh Hằng	x	07/04/2010	THCS Phước Hòa	5.50	7.50	5.75	18.75
128	530128	Đặng Minh Hằng	x	13/12/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	4.50	6.75	5.50	16.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
129	530129	Đoàn Thị Diễm Hằng	x	15/01/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)				0.00
130	530130	Nguyễn Thị Minh Hằng	x	11/09/2010	THCS Bạch Đằng	7.25	8.50	7.00	22.75
131	530131	Võ Thị Minh Hằng	x	28/01/2010	THCS Hùng Vương (PM)	6.00	6.75	5.25	18.00
132	530132	Nguyễn Thị Thu Hằng	x	30/01/2010	THCS Hùng Vương (PM)	6.25	6.25	2.75	15.25
133	530133	Nguyễn Trần Minh Hằng	x	26/11/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	4.00	6.25	3.00	13.25
134	530134	Bùi Gia Hân	x	24/12/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	3.75	3.75	2.25	9.75
135	530135	Hoàng Ngọc Bảo Hân	x	28/10/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.25	8.75	3.75	17.75
136	530136	Hoàng Nguyễn Ngọc Hân	x	11/05/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	4.00	4.75	4.50	13.25
137	530137	Nguyễn Phạm Bảo Hân	x	21/07/2010	THCS Phước Hòa	5.50	5.00	2.00	12.50
138	530138	Nguyễn Thị Kim Hân	x	29/07/2010	THCS Hùng Vương (PM)	4.75	6.50	2.50	13.75
139	530139	Dương Thị Ngọc Hân	x	10/12/2009	THCS Bạch Đằng	6.25	4.25	4.25	14.75
140	530140	Phan Trần Bảo Hân	x	05/05/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	5.75	6.75	3.25	15.75
141	530141	Lữ Phước Hậu		14/10/2010	THCS Bạch Đằng	3.75	3.00	2.75	9.50
142	530142	Trần Nguyễn Thảo Hiền	x	01/10/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	3.75	3.25	2.75	9.75
143	530143	Nguyễn Thị Hiền	x	13/03/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.75	6.50	3.25	15.50
144	530144	Tô Thị Diệu Hiền	x	23/07/2009	THCS Lê Hồng Phong (PM)	7.75	6.00	4.50	18.25
145	530145	Trần Thị Thu Hiền	x	14/01/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	4.25	3.75	2.75	10.75
146	530146	Nguyễn Hoàng Hiếu		01/08/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.00	4.50	3.00	12.50
147	530147	Nguyễn Hoàng Trung Hiếu		17/08/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	5.00	3.25	2.25	10.50
148	530148	Đặng Minh Hiếu		08/08/2010	THCS Phước Hòa	5.50	7.25	6.00	18.75
149	530149	Ngô Minh Hiếu		14/10/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.50	8.75	7.00	21.25
150	530150	Vũ Nguyễn Đình Hiếu		18/10/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	2.00	4.00	2.50	8.50
151	530151	Vũ Quang Minh Hiếu		12/04/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	0.75	1.75	2.75	5.25
152	530152	Nguyễn Thị Ngọc Hiếu	x	13/09/2010	THCS Hùng Vương (PM)	3.75	6.25	3.25	13.25
153	530153	Nguyễn Trung Hiếu		29/01/2010	THCS Bạch Đằng	7.00	8.00	7.50	22.50
154	530154	Nguyễn Văn Hiếu		21/06/2009	THCS Tân Phước	4.00	4.00	3.25	11.25
155	530155	Võ Văn Hiếu		13/08/2010	THCS Hùng Vương (PM)	3.75	8.00	5.25	17.00
156	530156	Đinh Võ Xuân Hiếu		15/01/2010	THCS Phan Chu Trinh	4.25	4.25	3.00	11.50
157	530157	Nguyễn Vũ Công Hiếu		21/08/2010	THCS Phú Mỹ	3.25	4.75	4.25	12.25
158	530158	Trần Đức Hiệp		19/04/2010	THCS Bạch Đằng	6.50	5.50	5.75	17.75
159	530159	Nguyễn Hoàng Hiệp		21/04/2010	THCS Hùng Vương (PM)	4.75	7.75	6.25	18.75
160	530160	Nguyễn Hoàng Hiệp		11/07/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.00	8.75	7.00	20.75
161	530161	Trần Thiên Hiệp		14/03/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.50	6.75	2.50	14.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
162	530162	Lê Mỹ Hoa	x	24/01/2010	THCS Bạch Đằng	7.25	9.00	9.00	25.25
163	530163	Nguyễn Thúy Hoa	x	11/07/2009	THCS Phước Hòa	6.25	7.50	2.75	16.50
164	530164	Trần Thị Hoài	x	29/09/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.25	4.75	1.75	11.75
165	530165	Trần Đỗ Minh Hoàng		12/01/2010	THCS Tân Phước	5.50	5.75	3.25	14.50
166	530166	Bùi Huy Hoàng		17/05/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	2.50	2.25	2.75	7.50
167	530167	Lê Huy Hoàng		08/11/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	4.75	5.25	1.00	11.00
168	530168	Nguyễn Huy Hoàng		30/07/2010	THCS Phước Hòa	5.25	7.75	3.75	16.75
169	530169	Nguyễn Huy Hoàng		01/12/2010	THCS Bạch Đằng	7.00	7.25	5.25	19.50
170	530170	Phan Huy Hoàng		27/07/2010	THCS Hùng Vương (PM)	6.00	8.50	7.75	22.25
171	530171	Nguyễn Trần Huy Hoàng		06/02/2010	THCS Phước Hòa	5.25	5.25	2.25	12.75
172	530172	Trần Đức Hòa		29/12/2010	THCS Tân Phước	5.00	4.00	2.00	11.00
173	530173	Trần Hồ Bình Hòa	x	20/07/2010	THCS Phước Hòa	5.25	5.25	2.00	12.50
174	530174	Nguyễn Quang Hòa		23/05/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.00	8.00	3.25	16.25
175	530175	Nguyễn Văn Học		03/01/2009	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.00	2.00	2.75	9.75
176	530176	Nguyễn Minh Hồng		09/07/2010	THCS Bạch Đằng	7.25	6.50	2.25	16.00
177	530177	Nguyễn Ngọc Bích Hồng	x	12/04/2010	THCS Phước Hòa	5.50	6.00	4.25	15.75
178	530178	Lê Thu Hồng	x	15/01/2010	THCS Bạch Đằng	6.00	7.00	6.50	19.50
179	530179	Phạm Hồ		21/06/2010	THCS Hùng Vương (PM)	6.00	9.00	8.75	23.75
180	530180	Nguyễn Anh Minh Huy		27/05/2010	THCS Bạch Đằng	7.00	7.75	3.00	17.75
181	530181	Phạm Đoàn Quốc Huy		01/12/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	5.25	6.75	3.50	15.50
182	530182	Hoàng Gia Huy		08/08/2010	THCS Phước Hòa	4.75	6.50	2.50	13.75
183	530183	Nguyễn Gia Huy		12/01/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	4.75	4.00	2.00	10.75
184	530184	Trần Gia Huy		13/09/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	6.00	8.50	3.75	18.25
185	530185	Nguyễn Hoàng Gia Huy		24/05/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.00	5.50	8.25	18.75
186	530186	Ngô Khánh Huy		30/04/2010	THCS Hùng Vương (PM)	6.00	7.75	8.75	22.50
187	530187	Nguyễn Minh Huy		27/10/2010	THCS Phước Hòa	7.00	7.75	4.25	19.00
188	530188	Nguyễn Minh Huy		09/03/2010	THCS Bạch Đằng	7.25	8.00	3.50	18.75
189	530189	Cái Ngọc Gia Huy		10/01/2010	THCS Bạch Đằng	6.50	7.00	5.00	18.50
190	530190	Phạm Nguyễn Gia Huy		05/09/2010	THCS Phước Hòa	5.00	6.75	3.25	15.00
191	530191	Vũ Nguyễn Gia Huy		30/06/2010	THCS Phước Hòa	5.00	8.50	8.50	22.00
192	530192	Huỳnh Nhật Huy		14/10/2010	THCS Bạch Đằng	7.00	2.75	3.25	13.00
193	530193	Ngô Phúc Thiên Huy		22/12/2009	THCS Lê Hồng Phong (PM)	1.50	6.25	1.00	8.75
194	530194	Nguyễn Quốc Huy		05/02/2010	THCS Bạch Đằng	6.00	5.75	4.75	16.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
195	530195	Đặng Thanh Huy		11/09/2010	THCS Hùng Vương (PM)	4.25	8.00	4.50	16.75
196	530196	Phan Viết Minh Huy		13/06/2010	THCS Hùng Vương (PM)	1.75	4.50	4.25	10.50
197	530197	Nguyễn Khánh Huyền	x	10/01/2010	THCS Bạch Đằng	7.50	8.75	6.25	22.50
198	530198	Võ Ngọc Huyền	x	23/07/2010	THCS Bạch Đằng	6.50	6.75	5.00	18.25
199	530199	Nguyễn Ngọc Thu Huyền	x	14/04/2009	THCS Hùng Vương (PM)	4.00	7.25	2.25	13.50
200	530200	Phạm Như Huyền	x	13/07/2010	THCS Hùng Vương (PM)	6.25	8.50	8.00	22.75
201	530201	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	x	06/05/2010	THCS Bạch Đằng	6.25	6.00	3.75	16.00
202	530202	Nguyễn Thị Thanh Huyền	x	09/06/2010	THCS Phước Hòa	4.75	8.00	3.75	16.50
203	530203	Trần Thị Thanh Huyền	x	03/08/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	2.50	3.50	3.25	9.25
204	530204	Nguyễn Khắc Hùng		16/09/2010	THCS Bạch Đằng	3.00	4.25	3.00	10.25
205	530205	Mã Phi Hùng		14/01/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	4.75	7.75	5.50	19.00
206	530206	Phạm Quốc Hùng		26/07/2010	THCS Phú Mỹ	1.75	0.25	2.25	4.25
207	530207	Nguyễn Tuấn Hùng		01/08/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.50	8.25	8.25	22.00
208	530208	Trần Hưng		05/02/2010	THCS Hùng Vương (PM)	6.25	7.50	6.00	19.75
209	530209	Trần Hưng		02/09/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.00	8.00	7.50	20.50
210	530210	Lê Quốc Hưng		17/09/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	5.75	7.00	4.50	17.25
211	530211	Phạm Thái Gia Hưng		12/12/2010	THCS Phước Hòa	6.75	8.25	9.50	24.50
212	530212	Nguyễn Việt Hưng		23/11/2008	THCS Phước Hòa	4.25	7.50	3.50	15.25
213	530213	Nguyễn Diễm Hương	x	14/01/2010	THCS Bạch Đằng	5.75	4.00	6.75	16.50
214	530214	Nguyễn Kim Hương	x	01/11/2010	THCS Bạch Đằng	4.25	5.00	3.25	12.50
215	530215	Nguyễn Quỳnh Hương	x	11/04/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	4.25	3.25	2.00	9.50
216	530216	Phạm Thị Thu Hương	x	09/05/2010	THCS Phước Hòa	6.50	4.50	4.75	15.75
217	530217	Vũ Mạnh Khang		11/12/2010	THCS Phước Hòa	5.00	7.50	3.25	15.75
218	530218	Phạm Minh Khang		30/04/2010	THCS Bạch Đằng	7.50	8.25	7.25	23.00
219	530219	Chem Nguyễn Minh Khang		07/05/2010	THCS Bạch Đằng	4.50	5.50	3.75	13.75
220	530220	Huỳnh Phúc Nguyên Khang		19/03/2010	THCS Bạch Đằng	5.75	7.00	6.25	19.00
221	530221	Trần Trung Khang		02/05/2010	THCS Hùng Vương (PM)	4.00	8.00	5.50	17.50
222	530222	Lê Tuấn Khang		22/04/2010	THCS Phước Hòa	5.50	4.25	3.25	13.00
223	530223	Trần Tuấn Khang		01/01/2010	THCS Phước Hòa	3.75	6.75	3.00	13.50
224	530224	Đặng Nhật Khánh		21/12/2010	THCS Hùng Vương (PM)	4.50	6.00	4.50	15.00
225	530225	Hoàng Quốc Khánh		18/08/2010	THCS Phước Hòa	4.75	7.00	3.50	15.25
226	530226	Nguyễn Gia Khiêm		03/05/2010	THCS Bạch Đằng	6.25	5.50	5.25	17.00
227	530227	Phạm Gia Khiêm		27/11/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.50	6.25	3.25	15.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
228	530228	Trần Đình Khoa		22/07/2010	THCS Phú Mỹ	4.00	5.25	2.00	11.25
229	530229	Ngô Nguyễn Bách Khoa		22/12/2010	THCS Bạch Đằng	6.50	9.00	6.50	22.00
230	530230	Nguyễn Thành Khoa		30/07/2010	THCS Bạch Đằng	4.75	6.50	2.50	13.75
231	530231	Nguyễn Trần Đăng Khoa		17/12/2010	THCS Hùng Vương (PM)	2.50	4.75	3.00	10.25
232	530232	Hồ Danh Khôi		01/01/2010	THCS Phú Mỹ	5.25	5.50	6.75	17.50
233	530233	Ngũ Đăng Khôi		03/09/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.00	7.25	6.00	18.25
234	530234	Đỗ Nguyễn Minh Khôi		14/11/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.75	8.25	7.75	21.75
235	530235	Phùng Lê Trung Kiên		23/05/2010	THCS Bạch Đằng	4.75	6.25	4.25	15.25
236	530236	Nguyễn Thị Thúy Kiều	x	13/05/2010	THCS Hùng Vương (PM)	4.75	6.50	4.25	15.50
237	530237	Trần Anh Kiệt		07/03/2010	THCS Phước Hòa	6.00	7.75	4.75	18.50
238	530238	Phạm Gia Kiệt		09/02/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.50	7.50	5.75	18.75
239	530239	Trần Gia Kiệt		10/08/2010	THCS Bạch Đằng	4.25	6.00	7.50	17.75
240	530240	Phan Quốc Kiệt		03/04/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	3.25	1.75	2.75	7.75
241	530241	Nguyễn Tấn Kiệt		23/02/2010	THCS Bạch Đằng	4.00	3.75	2.75	10.50
242	530242	Trần Tuấn Kiệt		14/11/2009	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	3.50	6.00	3.75	13.25
243	530243	Đinh Võ Anh Kiệt		16/04/2010	THCS Phước Hòa	1.50	3.00	4.00	8.50
244	530244	Lê Thị Thiên Kim	x	07/04/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.75	8.25	4.75	18.75
245	530245	Nguyễn Hữu Kín		21/01/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.50	3.50	2.75	11.75
246	530246	Nguyễn Vũ Hoàng Kỳ		17/02/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.50	6.00	4.25	15.75
247	530247	Phạm Ngọc Quỳnh Lam	x	02/04/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	6.25	9.00	6.00	21.25
248	530248	Nguyễn Ngọc Thiên Lam	x	05/10/2010	THCS Hùng Vương (PM)	6.50	9.00	6.25	21.75
249	530249	Trần Quỳnh Lam	x	01/02/2010	THCS Phước Hòa	6.25	6.25	4.75	17.25
250	530250	Phạm Yến Lan	x	30/10/2010	THCS Bạch Đằng	7.75	7.00	6.00	20.75
251	530251	Lê Đỗ Hoàng Lâm		14/03/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	3.75	1.50	5.00	10.25
252	530252	Nguyễn Đức Lâm		26/03/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	3.75	2.50	2.50	8.75
253	530253	Nguyễn Hoàng Nhật Lâm		18/10/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	6.00	6.00	6.25	18.25
254	530254	Lê Huy Bảo Lâm		24/08/2010	THCS Lương Thế Vinh	5.00	5.25	3.25	13.50
255	530255	Đoàn Nguyễn Gia Lâm		11/08/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.00	4.25	3.50	12.75
256	530256	Nguyễn Thành Lâm		09/03/2010	THCS Hùng Vương (PM)	4.25	8.25	6.50	19.00
257	530257	Nguyễn Ánh Linh	x	31/10/2009	THCS Phước Hòa	6.50	6.25	3.00	15.75
258	530258	Trần Hà Linh	x	11/04/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	4.75	4.00	2.75	11.50
259	530259	Võ Hoàng Phương Linh	x	16/09/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	4.50	5.75	2.75	13.00
260	530260	Nguyễn Khánh Linh	x	15/05/2009	THCS Lê Hồng Phong (PM)	1.75	3.75	2.25	7.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
261	530261	Nguyễn Mai Khánh Linh	x	10/10/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.75	7.75	8.75	22.25
262	530262	Nguyễn Ngọc Phương Linh	x	20/08/2010	THCS Phước Hòa	6.00	8.00	6.50	20.50
263	530263	Phan Ngọc Phương Linh	x	22/09/2010	THCS Hùng Vương (PM)	4.75	7.00	6.00	17.75
264	530264	Nguyễn Ngọc Thùy Linh	x	18/02/2010	THCS Phước Hòa	4.00	3.25	3.00	10.25
265	530265	Lê Ngô Hoàng Thùy Linh	x	24/06/2010	THCS Hùng Vương (PM)	4.50	8.00	6.75	19.25
266	530266	Lê Nguyễn Khánh Linh	x	10/05/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	3.50	5.50	2.75	11.75
267	530267	Đoàn Quang Linh		12/02/2010	THCS Phước Hòa	6.00	8.25	5.75	20.00
268	530268	Nguyễn Thị Diệu Linh	x	14/05/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.00	5.75	8.50	19.25
269	530269	Trần Thị Khánh Linh	x	28/03/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	4.00	2.00	2.25	8.25
270	530270	Đỗ Thị Mai Linh	x	30/10/2010	THCS Phước Hòa	4.75	7.25	6.50	18.50
271	530271	Đỗ Thị Mỹ Linh	x	26/10/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	5.25	6.25	4.75	16.25
272	530272	Nguyễn Thị Ngọc Linh	x	25/12/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.00	6.75	3.25	15.00
273	530273	Nguyễn Thị Phương Linh	x	21/10/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	3.75	6.75	5.50	16.00
274	530274	Lê Trần Khánh Linh	x	22/06/2010	THCS Hùng Vương (PM)	4.75	7.75	6.00	18.50
275	530275	Lâm Trúc Linh	x	16/06/2010	THCS Bạch Đằng	5.50	3.50	2.00	11.00
276	530276	Lê Tường Linh	x	27/12/2010	THCS Bạch Đằng	5.25	4.50	4.00	13.75
277	530277	Nguyễn Hoàng Long		27/11/2010	THCS Phước Hòa	6.00	7.75	2.25	16.00
278	530278	Nguyễn Hoàng Nhựt Long		05/02/2010	THCS Hùng Vương (PM)	3.25	7.50	5.00	16.75
279	530279	Nguyễn Phi Long		28/02/2010	THCS Tân Phước	5.00	4.50	3.75	13.25
280	530280	Lương Thanh Long		05/04/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	5.00	5.25	2.25	12.50
281	530281	Nguyễn Thành Long		20/10/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	5.25	7.25	4.00	16.50
282	530282	Đỗ Thiên Long		31/10/2010	THCS Phú Mỹ	2.75	5.75	4.25	12.75
283	530283	Nguyễn Đại Lộc		08/01/2010	THCS Hùng Vương (PM)	3.00	6.25	1.75	11.00
284	530284	Phạm Thành Lộc		21/06/2010	THCS Hùng Vương (PM)	3.25	7.00	3.50	13.75
285	530285	Phạm Nguyễn Minh Luân		22/12/2010	THCS Tân Phước	3.50	3.50	3.25	10.25
286	530286	Trần Đức Lương		20/12/2009	THCS Lê Hồng Phong (PM)	2.25	0.50	2.50	5.25
287	530287	Nguyễn Thị Khánh Ly	x	06/01/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	3.25	2.25	2.50	8.00
288	530288	Nguyễn Thị Khánh Ly	x	11/02/2010	THCS Bạch Đằng	7.50	6.75	2.75	17.00
289	530289	Trần Thị Khánh Ly	x	01/03/2010	THCS Tân Phước	6.75	7.75	2.75	17.25
290	530290	Trịnh Thị Khánh Ly	x	27/02/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	4.50	6.50	4.25	15.25
291	530291	Đinh Thị Kiều Ly	x	16/05/2010	THCS Hùng Vương (PM)	7.00	8.00	5.75	20.75
292	530292	Đinh Trần Khánh Ly	x	26/04/2010	THCS Bạch Đằng	6.00	4.25	2.75	13.00
293	530293	Hoàng Đức Mạnh		03/12/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	3.75	2.00	3.50	9.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
294	530294	Trần Minh Mẫn		03/09/2010	THCS Hùng Vương (PM)		2.25	7.50	9.75
295	530295	Đặng Anh Minh		13/07/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.00	8.75	8.00	21.75
296	530296	Lã Công Minh		11/12/2009	THCS Lê Hồng Phong (PM)	2.75	7.50	2.50	12.75
297	530297	Hàn Đa Minh		06/10/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.50	2.50	2.50	10.50
298	530298	Lê Kim Minh		08/06/2010	THCS Bạch Đằng	7.00	9.00	7.25	23.25
299	530299	Võ Lê Minh		19/07/2010	THCS Tân Phước	3.75	6.25	3.25	13.25
300	530300	Phạm Nhật Minh		21/09/2010	THCS Phước Hòa	5.00	8.75	6.25	20.00
301	530301	Phùng Phú Minh		17/07/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	3.00	3.00	2.25	8.25
302	530302	Nguyễn Phương Minh		03/12/2010	THCS Hùng Vương (PM)	4.50	8.00	7.00	19.50
303	530303	Trần Thị Ngọc Minh	x	18/01/2010	THCS Hùng Vương (PM)	6.00	7.25	6.50	19.75
304	530304	Nguyễn Kiều My	x	22/07/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.00	4.25	4.00	13.25
305	530305	Nguyễn Lê Liễu My	x	27/02/2010	THCS Hùng Vương (PM)	6.00	8.50	7.75	22.25
306	530306	Lê Thanh Trà My	x	14/03/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	4.00	6.75	5.00	15.75
307	530307	Dương Thảo My	x	08/12/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	3.00	3.50	3.25	9.75
308	530308	Nguyễn Thị Diễm My	x	18/03/2009	THCS Phước Hòa	3.25	4.75	2.25	10.25
309	530309	Nguyễn Thị Trà My	x	11/11/2010	THCS Bạch Đằng	5.75	4.00	2.00	11.75
310	530310	Trần Thị Trà My	x	30/01/2010	THCS Phước Hòa	6.25	8.00	8.25	22.50
311	530311	Đoàn Thị Mỹ Mỹ	x	09/10/2010	THCS Bạch Đằng	5.75	8.25	6.75	20.75
312	530312	Lương Cao Huỳnh Sa Na	x	18/11/2010	THCS Hùng Vương (PM)	6.25	7.75	6.25	20.25
313	530313	Dương Bảo Nam		16/07/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	3.50	3.50	3.00	10.00
314	530314	Hà Châu Bảo Nam		28/09/2010	THCS Phước Hòa	3.25	5.75	3.75	12.75
315	530315	Phạm Duy Nam		11/02/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	4.00	7.75	2.25	14.00
316	530316	Đặng Hoàng Nam		12/08/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.50	6.50	3.50	15.50
317	530317	Nguyễn Hoàng Nam		11/01/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.75	7.25	5.50	18.50
318	530318	Nguyễn Như Hà Nam		17/03/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	5.00	5.50	2.25	12.75
319	530319	Nguyễn Văn Nam		26/04/2009	THCS Hùng Vương (PM)	8.25	9.00	6.25	23.50
320	530320	Trần Vũ Tiến Nam		17/12/2010	THCS Phước Hòa	5.25	5.75	4.50	15.50
321	530321	Nguyễn Phương Nga	x	04/08/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	7.75	8.25	7.25	23.25
322	530322	Phạm Thị Thúy Nga	x	14/06/2010	THCS Hùng Vương (PM)	6.50	6.50	4.75	17.75
323	530323	Phạm Bảo Ngân	x	03/04/2010	THCS Phước Hòa	6.00	7.50	7.50	21.00
324	530324	Nguyễn Hoàng Kim Ngân	x	18/02/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	6.00	6.00	2.25	14.25
325	530325	Vũ Kim Ngân	x	13/07/2010	THCS Phước Hòa	6.50	6.75	6.50	19.75
326	530326	Nguyễn Mai Hồng Ngân	x	10/02/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	6.00	7.00	5.75	18.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
327	530327	Nguyễn Ngọc Ngân	x	11/12/2010	THCS Bạch Đằng	8.00	8.75	7.50	24.25
328	530328	Nguyễn Ngọc Bảo Ngân	x	28/05/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	7.25	5.25	4.25	16.75
329	530329	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	x	13/04/2010	THCS Phước Hòa	6.25	4.00	3.50	13.75
330	530330	Trần Ngọc Kim Ngân	x	01/06/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	4.25	4.75	3.25	12.25
331	530331	Lưu Nguyễn Kim Ngân	x	26/05/2010	THCS Phước Hòa	4.00	4.50	4.25	12.75
332	530332	Hồ Nguyễn Ngọc Ngân	x	24/09/2010	THCS Hùng Vương (PM)	7.25	9.00	9.00	25.25
333	530333	Nguyễn Thanh Ngân	x	14/02/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.00	5.75	3.25	14.00
334	530334	Nguyễn Thanh Ngân	x	12/01/2010	THCS Bạch Đằng	7.00	6.25	4.75	18.00
335	530335	Võ Thúy Ngân	x	28/10/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	4.50	3.25	1.25	9.00
336	530336	Đỗ Võ Triệu Ngân	x	23/09/2010	THCS Tân Phước	6.25	4.00	3.75	14.00
337	530337	Vũ Bảo Nghi	x	20/09/2008	THCS Phước Hòa	2.25	5.00	2.25	9.50
338	530338	Nguyễn Thị Thành Nghiệp	x	21/06/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	4.25	2.75	2.00	9.00
339	530339	Huỳnh Trọng Nghĩa		06/04/2010	THCS Bạch Đằng	5.00	4.75	1.00	10.75
340	530340	Nguyễn Bích Ngọc	x	25/08/2010	THCS Bạch Đằng	5.25	4.75	3.25	13.25
341	530341	Nguyễn Cao Bảo Ngọc	x	05/12/2010	THCS Phước Hòa	6.00	7.25	3.50	16.75
342	530342	Phạm Đình Bích Ngọc	x	20/04/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.25	6.75	3.50	15.50
343	530343	Nguyễn Hoàng Khánh Ngọc	x	30/01/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.25	7.25	5.25	17.75
344	530344	Đoàn Hồng Ngọc	x	27/03/2010	THCS Bạch Đằng	7.50	6.75	9.00	23.25
345	530345	Trần Huỳnh Bảo Ngọc	x	03/10/2010	THCS Hùng Vương (PM)	6.25	6.25	5.00	17.50
346	530346	Phạm Lê Như Ngọc	x	27/10/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	4.75	8.25	9.00	22.00
347	530347	Đặng Lê Tuyết Ngọc	x	23/12/2010	THCS Bạch Đằng	5.75	4.25	3.25	13.25
348	530348	Văn Mỹ Ngọc	x	03/12/2010	THCS Bạch Đằng	5.75	5.25	3.75	14.75
349	530349	Hồ Nguyễn Bích Ngọc	x	25/04/2010	THCS Tân Phước	5.00	3.50	5.25	13.75
350	530350	Nguyễn Như Ngọc	x	20/11/2010	THCS Phước Hòa	6.50	8.75	7.25	22.50
351	530351	Nguyễn Thành Ngọc		06/01/2010	THCS Bạch Đằng	6.50	6.50	3.75	16.75
352	530352	Nguyễn Thị Bích Ngọc	x	18/04/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.75	8.50	5.50	19.75
353	530353	Võ Thị Bích Ngọc	x	02/05/2010	THCS Phước Hòa	7.00	6.50	4.50	18.00
354	530354	Phạm Vũ Bích Ngọc	x	02/09/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	3.50	2.75	2.75	9.00
355	530355	Phạm Vương Bảo Ngọc	x	02/05/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.50	6.75	6.00	18.25
356	530356	Hoàng Nguyên		30/09/2010	THCS Phước Hòa	5.50	7.75	2.75	16.00
357	530357	Nguyễn Khôi Nguyên		26/02/2010	THCS Bạch Đằng	6.00	8.50	7.25	21.75
358	530358	Phan Mĩ Nguyên	x	30/12/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	4.50	4.75	2.25	11.50
359	530359	Trần Ngọc Thảo Nguyên	x	02/06/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.75	9.00	8.50	23.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
360	530360	Nguyễn Phương Nguyên	x	03/05/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	4.25	4.75	2.00	11.00
361	530361	Trần Thị Thanh Nguyên	x	10/06/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	6.00	7.50	5.50	19.00
362	530362	Phạm Thụy Hoàng Nguyên	x	26/06/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	3.75	2.50	2.25	8.50
363	530363	Đinh Trọng Nguyên		11/10/2010	THCS Phước Hòa	4.25	8.75	6.00	19.00
364	530364	Nguyễn Phi Nguyễn		20/06/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	2.75	6.50	4.25	13.50
365	530365	Trần Thị Nguyệt	x	04/10/2009	THCS Lê Hồng Phong (PM)	3.75	6.50	3.00	13.25
366	530366	Phạm Doanh Nhân		15/11/2009	THCS Hùng Vương (PM)	3.25	7.75	3.75	14.75
367	530367	Phạm Hữu Nhân		23/08/2010	THCS Bạch Đằng	5.75	7.00	4.00	16.75
368	530368	Nguyễn Thành Nhân		26/03/2010	THCS Bạch Đằng	5.75	7.50	5.25	18.50
369	530369	Phạm Trọng Nhân		13/06/2010	THCS Bạch Đằng	4.25	8.00	4.75	17.00
370	530370	Trần Trung Nhân		26/01/2006	THCS Hùng Vương (PM)	3.50	8.00	3.50	15.00
371	530371	Trần Đặng Minh Nhật		31/10/2010	THCS Bạch Đằng	6.00	8.75	6.25	21.00
372	530372	Huỳnh Minh Nhật		17/09/2010	THCS Bạch Đằng	5.75	8.00	6.50	20.25
373	530373	Nguyễn Trịnh Minh Nhật		13/04/2010	THCS Phước Hòa	3.00	5.50	2.50	11.00
374	530374	Ngô Bảo Nhi	x	01/07/2010	THCS Phước Hòa	2.75	2.00	2.25	7.00
375	530375	Vũ Dương Ngọc Nhi	x	08/01/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.75	8.50	6.25	20.50
376	530376	Phan Lê Uyên Nhi	x	07/04/2010	THCS Bạch Đằng	6.00	7.25	7.00	20.25
377	530377	Lê Ngọc Nhi	x	27/05/2010	THCS Bạch Đằng	5.00	6.50	4.75	16.25
378	530378	Lê Ngọc Nhi	x	17/12/2010	THCS Bạch Đằng	5.50	9.00	6.50	21.00
379	530379	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	x	09/05/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	4.25	4.25	2.25	10.75
380	530380	Cao Nguyễn Thảo Nhi	x	24/05/2010	THCS Bạch Đằng	7.75	8.75	8.25	24.75
381	530381	Huỳnh Nguyễn Yến Nhi	x	03/09/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	7.00	7.50	3.75	18.25
382	530382	Nguyễn Thái Nhi	x	05/06/2010	THCS Bạch Đằng	6.00	8.50	8.00	22.50
383	530383	Đặng Thị Mỹ Nhi	x	14/03/2010	THCS Phước Hòa	3.00	7.00	3.75	13.75
384	530384	Hồ Thị Ngọc Nhi	x	26/10/2010	THCS Bạch Đằng	7.00	8.50	7.75	23.25
385	530385	Châu Thị Yến Nhi	x	12/08/2010	THCS Bạch Đằng	6.50	8.00	6.00	20.50
386	530386	Phan Thị Yến Nhi	x	19/10/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	4.50	8.25	8.50	21.25
387	530387	Lê Yến Nhi	x	29/09/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.75	9.00	8.00	23.75
388	530388	Lê Ý Nhi	x	28/09/2010	THCS Hùng Vương (PM)	6.00	8.25	7.25	21.50
389	530389	Bùi Thị Cẩm Nhung	x	20/03/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.25	7.50	2.75	15.50
390	530390	Nguyễn Thị Hồng Nhung	x	05/04/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.00	8.25	4.50	17.75
391	530391	Dương Hoàng Bảo Như	x	17/07/2010	THCS Bạch Đằng	8.00	8.50	9.50	26.00
392	530392	Nguyễn Hoàng Yến Như	x	30/09/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.50	7.50	2.25	15.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
393	530393	Phạm Huỳnh Như	x	20/08/2010	THCS Bạch Đằng	6.50	7.25	3.25	17.00
394	530394	Nguyễn Lê Quỳnh Như	x	07/11/2010	THCS Phước Hòa	7.75	6.75	5.50	20.00
395	530395	Nguyễn Ngọc Như	x	14/08/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.00	5.00	2.25	12.25
396	530396	Võ Ngọc Bảo Như	x	30/11/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	2.50	3.25	2.50	8.25
397	530397	Phạm Nguyễn Thảo Như	x	25/04/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	6.00	6.75	5.50	18.25
398	530398	Vũ Quỳnh Như	x	17/01/2010	THCS Hùng Vương (PM)	4.50	5.25	3.25	13.00
399	530399	Bùi Thị Quỳnh Như	x	28/07/2009	THCS Phước Hòa	4.00	4.50	2.25	10.75
400	530400	Nguyễn Thị Quỳnh Như	x	07/09/2010	THCS Bạch Đằng	7.00	7.00	6.25	20.25
401	530401	Phạm Thị Quỳnh Như	x	26/08/2010	THCS Bạch Đằng	6.75	7.50	8.50	22.75
402	530402	Phạm Thị Quỳnh Như	x	26/08/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.25	8.25	7.25	20.75
403	530403	Tổng Thị Quỳnh Như	x	26/06/2010	THCS Hùng Vương (PM)	6.50	8.25	6.50	21.25
404	530404	Lâm Tuyết Như	x	26/07/2010	THCS Bạch Đằng	6.75	7.50	4.75	19.00
405	530405	Nguyễn Minh Phát		07/04/2010	THCS Phước Hòa	3.75	6.25	3.25	13.25
406	530406	Đinh Nguyễn Tiến Phát		10/12/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	4.75	9.00	6.00	19.75
407	530407	Châu Tấn Phát		09/06/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	3.50	2.50	3.00	9.00
408	530408	Nguyễn Tấn Phát		08/05/2010	THCS Bạch Đằng	4.00	5.25	4.00	13.25
409	530409	Trình Trọng Phát		30/06/2009	THCS Hùng Vương (PM)	4.25	7.50	4.75	16.50
410	530410	Lưu Nguyễn Nhật Phi		11/08/2010	THCS Hùng Vương (PM)	6.50	8.75	8.75	24.00
411	530411	Nguyễn Ngọc Nam Phong		19/07/2010	THCS Hùng Vương (PM)	4.50	7.25	4.75	16.50
412	530412	Lê Thanh Phong		25/04/2010	THCS Hùng Vương (PM)	6.50	8.75	7.25	22.50
413	530413	Phùng Thiệu Phong		06/11/2010	THCS Bạch Đằng	7.25	8.25	8.00	23.50
414	530414	Vũ Tuấn Phong		09/09/2010	THCS Phước Hòa	3.25	5.50	2.75	11.50
415	530415	Vũ Minh Phú		03/11/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.25	5.00	3.00	13.25
416	530416	Nguyễn Quốc Phú		10/04/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.50	7.75	7.50	20.75
417	530417	Nguyễn Tường Gia Phú		01/06/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	4.75	7.25	2.75	14.75
418	530418	Nguyễn Văn Phú		28/10/2008	THCS Hùng Vương (PM)	3.50	5.50	2.50	11.50
419	530419	Mạc Viễn Phú		09/12/2010	THCS Bạch Đằng	6.25	6.00	4.50	17.75
420	530420	Lê Hoàng Phúc		03/03/2010	THCS Bạch Đằng	6.25	5.25	3.50	15.00
421	530421	Nguyễn Hoàng Thiên Phúc		30/01/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	3.00	6.25	2.75	12.00
422	530422	Trịnh Minh Phúc		15/07/2010	THCS Bạch Đằng	6.00	7.75	4.50	18.25
423	530423	Lê Ngọc Diễm Phúc	x	23/03/2010	THCS Tân Phước	4.25	4.00	3.00	11.25
424	530424	Lê Nguyễn Đình Phúc		13/01/2010	THCS Bạch Đằng	6.25	5.75	2.50	14.50
425	530425	Phạm Thiên Phúc		11/01/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	8.25	7.00	4.00	19.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
426	530426	Lưu Trọng Phúc		06/01/2010	THCS Bạch Đằng	5.25	7.75	5.25	18.25
427	530427	Thái Trọng Phúc		12/02/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	5.75	4.25	6.00	16.00
428	530428	Huỳnh Ngọc Phụng	x	31/01/2010	THCS Bạch Đằng	7.75	8.25	6.25	22.25
429	530429	Đặng Quảng Long Phụng	x	25/09/2010	THCS Hùng Vương (PM)	4.00	6.00	2.50	12.50
430	530430	Nguyễn Hà Phương	x	13/08/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.50	6.25	3.50	15.25
431	530431	Vũ Hoàng Mai Phương	x	11/09/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	3.25	4.00	2.50	9.75
432	530432	Vũ Mai Phương	x	04/03/2010	THCS Phước Hòa	4.50	6.00	2.25	12.75
433	530433	Trần Nam Phương	x	02/08/2010	THCS Hùng Vương (PM)	7.25	8.75	8.25	24.25
434	530434	Hoàng Nguyễn Lan Phương	x	10/05/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	6.00	5.00	7.25	18.25
435	530435	Vũ Nguyễn Thanh Phương	x	04/07/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	4.00	8.00	4.25	16.25
436	530436	Vũ Thị Minh Phương	x	10/12/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	6.00	8.75	5.75	20.50
437	530437	Nguyễn Thị Thanh Phương	x	25/05/2010	THCS Hùng Vương (PM)	3.50	5.75	2.50	11.75
438	530438	Nguyễn Thị Thu Phương	x	21/12/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	4.25	5.75	2.50	12.50
439	530439	Mai Trúc Phương	x	02/07/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	1.25	3.00	1.25	5.50
440	530440	Mai Dương Ngọc Phước		02/05/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.25	8.50	8.25	22.00
441	530441	Trần Ngọc Linh Phương	x	12/01/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	6.25	5.00	3.50	14.75
442	530442	Trần Thị Kim Phương	x	23/10/2010	THCS Bạch Đằng	5.25	6.25	4.50	16.00
443	530443	Lê Anh Quang		28/12/2009	THCS Phước Hòa	5.25	5.50	2.75	13.50
444	530444	Nguyễn Duy Quang		17/10/2008	THCS Bạch Đằng	2.00	1.75	2.00	5.75
445	530445	Phạm Duy Quang		05/11/2010	THCS Phước Hòa	4.25	6.50	1.50	12.25
446	530446	Lại Minh Quang		19/11/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	4.00	2.25	2.75	9.00
447	530447	Hoàng Anh Quân		26/12/2009	THCS Hùng Vương (PM)	5.25	8.00	2.00	15.25
448	530448	Trần Anh Quân		07/09/2010	THCS Hùng Vương (PM)	6.00	6.50	3.25	15.75
449	530449	Lại Hoàng Quân		18/10/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.50	4.75	7.75	18.00
450	530450	Trần Phạm Anh Quân		16/12/2010	THCS Tân Phước	4.00	6.50	4.00	14.50
451	530451	Nguyễn Vũ Minh Quân		21/12/2009	THCS Hùng Vương (PM)	5.00	6.75	5.75	17.50
452	530452	Nguyễn Văn Anh Quốc		26/08/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.75	8.50	6.75	21.00
453	530453	Lê Thị Kim Quyên	x	14/07/2010	THCS Bạch Đằng	8.00	8.75	6.25	23.00
454	530454	Trần Eliza Quỳnh	x	04/09/2010	THCS Phước Hòa	5.00	5.50	2.25	12.75
455	530455	Nguyễn Hoàng Diễm Quỳnh	x	26/03/2010	THCS Bạch Đằng	6.25	8.75	6.75	21.75
456	530456	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	x	14/04/2010	THCS Hùng Vương (PM)	4.50	6.50	2.00	13.00
457	530457	Phạm Ngọc Như Quỳnh	x	07/08/2010	THCS Hùng Vương (PM)	3.25	7.25	4.75	15.25
458	530458	Nguyễn Như Quỳnh	x	15/06/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.00	3.50	3.00	11.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
459	530459	Trần Như Quỳnh	x	20/07/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	7.50	7.75	5.00	20.25
460	530460	Dương Phương Quỳnh	x	09/06/2010	THCS Hùng Vương (PM)	4.50	5.75	2.25	12.50
461	530461	Lại Thị Như Quỳnh	x	09/06/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	3.25	2.00	3.00	8.25
462	530462	Nguyễn Thị Như Quỳnh	x	04/02/2009	THCS Lê Hồng Phong (PM)	1.50	1.25	1.75	4.50
463	530463	Đinh Trần Minh Quỳnh	x	16/04/2010	THCS Tân Phước	5.00	7.00	4.25	16.25
464	530464	Lê Trúc Khả Quỳnh	x	05/10/2010	THCS Phước Hòa	6.25	7.25	7.50	21.00
465	530465	Hồ Ngọc Quý	x	26/09/2010	THCS Phước Hòa	6.75	6.25	5.00	18.00
466	530466	Nguyễn Ngọc Quý		04/07/2010	THCS Phú Mỹ	4.00	3.25	4.00	11.25
467	530467	Nguyễn Cao Sang		29/09/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	4.00	7.25	3.25	14.50
468	530468	Nguyễn Ngọc Sang		02/02/2010	THCS Bạch Đằng	6.00	4.50	3.50	14.00
469	530469	Đặng Thị Ngọc Sang	x	08/04/2010	THCS Tân Phước	5.00	4.00	3.25	12.25
470	530470	Vũ Hoàng Ánh Sao	x	07/07/2010	THCS Phú Mỹ	4.00	4.50	4.50	13.00
471	530471	Đoàn Quang Sáng		26/08/2010	THCS Bạch Đằng	5.75	7.50	5.25	18.50
472	530472	Bùi Nguyễn Trường Sơn		23/08/2010	THCS Bạch Đằng	4.00	4.75	4.00	12.75
473	530473	Nguyễn Thanh Sơn		07/06/2010	THCS Tân Phước	3.75	6.25	1.75	11.75
474	530474	Trần Thanh Sơn		15/10/2010	THCS Bạch Đằng	4.75	3.00	2.00	9.75
475	530475	Lại Trường Sơn		17/10/2010	THCS Tân Phước	4.50	5.50	3.50	13.50
476	530476	Phạm Thị Thu Sương	x	17/10/2010	THCS Hùng Vương (PM)	6.00	8.75	6.00	20.75
477	530477	Bùi Đức Tài		11/12/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	6.00	4.50	4.00	14.50
478	530478	Nguyễn Hữu Tài		23/05/2010	THCS Tân Phước	5.00	8.00	3.00	16.00
479	530479	Nguyễn Hữu Tài		13/09/2010	THCS Bạch Đằng	6.25	5.50	3.50	15.25
480	530480	Trần Nguyễn Tuấn Tài		05/05/2010	THCS Hùng Vương (PM)	4.00	7.25	8.75	20.00
481	530481	Nguyễn Thành Tài		14/03/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	3.25	5.25	2.00	10.50
482	530482	Tổng Thành Tài		17/04/2010	THCS Phước Hòa	5.25	5.00	3.75	14.00
483	530483	Nguyễn Minh Tâm		15/01/2010	THCS Hùng Vương (PM)	4.75	8.25	6.25	19.25
484	530484	Lê Nguyễn Chí Tâm		28/12/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.50	8.25	4.75	18.50
485	530485	Nguyễn Thành Tâm		30/06/2010	THCS Hùng Vương (PM)	4.75	8.25	6.75	19.75
486	530486	Nguyễn Trần Gia Tâm	x	17/04/2010	THCS Bạch Đằng	5.00	6.00	2.75	13.75
487	530487	Nguyễn Vũ Như Tâm	x	06/10/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	5.25	5.00	4.00	14.25
488	530488	Mai Duy Tân		14/09/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.50	6.25	4.25	16.00
489	530489	Phạm Minh Tân		05/06/2010	THCS Phước Hòa	6.25	8.50	4.50	19.25
490	530490	Nguyễn Trần Minh Tân		27/04/2010	THCS Hùng Vương (PM)	4.75	8.75	9.50	23.00
491	530491	Nguyễn Trọng Tấn		25/07/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.00	8.50	8.75	22.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
492	530492	Phạm Đức Thanh		27/10/2010	THCS Hùng Vương (PM)	7.00	9.00	9.50	25.50
493	530493	Hoàng Nguyễn Gia Thanh		20/02/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	6.00	6.75	4.50	17.25
494	530494	Trần Thị Kim Thanh	x	04/08/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	4.75	4.50	4.50	13.75
495	530495	Trần Đức Thành		10/09/2010	THCS Hùng Vương (PM)	4.75	7.25	4.75	16.75
496	530496	Trần Nguyễn Minh Thành		01/02/2009	THCS Lê Hồng Phong (PM)	3.75	6.25	4.00	14.00
497	530497	Nguyễn Tuấn Thành		03/08/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.25	4.75	2.50	12.50
498	530498	Nguyễn Hoàng Phương Thảo	x	31/05/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	6.50	3.75	6.25	16.50
499	530499	Lê Nguyễn Phương Thảo	x	30/06/2010	THCS Phước Hòa	4.50	5.25	6.25	16.00
500	530500	Hoàng Thị Bích Thảo	x	30/08/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	4.25	5.25	5.75	15.25
501	530501	Nguyễn Thị Thanh Thảo	x	04/12/2010	THCS Hùng Vương (PM)	6.00	6.50	3.75	16.25
502	530502	Lê Thị Thu Thảo	x	04/07/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.00	5.75	2.25	13.00
503	530503	Đỗ Hoàng Thái		20/07/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	4.50	6.50	3.00	14.00
504	530504	Vũ Hoàng Đình Thái		14/06/2010	THCS Phước Hòa	2.50	5.00	2.75	10.25
505	530505	Trần Vĩnh Thái		11/10/2010	THCS Bạch Đằng	2.25	1.00	2.25	5.50
506	530506	Nguyễn Thị Hồng Thắm	x	21/02/2010	THCS Bạch Đằng	7.25	8.50	6.50	22.25
507	530507	Nguyễn Minh Thắng		01/04/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	2.25	0.50	2.75	5.50
508	530508	Phạm Ngọc Thắng		06/08/2010	THCS Tân Phước	4.00	6.00	3.25	13.25
509	530509	Huỳnh Tăng Thành Thắng		05/04/2010	THCS Bạch Đằng	6.75	4.75	4.25	15.75
510	530510	Nguyễn Bảo Thi	x	26/09/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	6.75	7.25	5.75	19.75
511	530511	Nguyễn Hoàng Nguyên Thi	x	23/06/2010	THCS Hùng Vương (PM)	3.00	3.75	3.50	10.25
512	530512	Bùi Thành Bảo Thi	x	02/04/2010	THCS Hùng Vương (PM)	1.75	6.50	4.25	12.50
513	530513	Nguyễn Thị Bảo Thi	x	22/03/2010	THCS Phước Hòa	6.25	6.25	7.25	20.25
514	530514	Nguyễn Nhật Hoàng Thiên		15/07/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	3.00	4.25	5.50	12.75
515	530515	Nguyễn Duy Thiện		02/10/2010	THCS Phước Hòa	5.50	8.00	2.25	15.75
516	530516	Dương Minh Thiện		10/12/2009	THCS Tân Phước	4.75	4.25	1.25	10.25
517	530517	Nguyễn Minh Thiện		22/08/2010	THCS Hùng Vương (PM)	3.75	4.25	4.25	12.25
518	530518	Nguyễn Nhân Thiện		22/10/2010	THCS Bạch Đằng	6.00	6.00	4.75	16.75
519	530519	Tổng Thành Thiện		19/05/2010	THCS Phước Hòa	5.00	7.50	7.00	19.50
520	530520	Nguyễn Đình Quốc Thịnh		28/02/2010	THCS Phú Mỹ	4.75	4.75	4.25	13.75
521	530521	Lê Quốc Thịnh		31/12/2010	THCS Hùng Vương (PM)	3.00	8.25	3.00	14.25
522	530522	Trần Quốc Thịnh		28/11/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	5.25	9.00	5.50	19.75
523	530523	Phạm Văn Phú Thịnh		16/09/2010	THCS Hùng Vương (PM)	4.00	8.25	4.75	17.00
524	530524	Nguyễn Thanh Thoa	x	03/07/2010	THCS Hùng Vương (PM)	6.25	8.50	5.00	19.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
525	530525	Nguyễn Đức Thọ		06/02/2010	THCS Phước Hòa	6.00	8.25	5.75	20.00
526	530526	Vũ Đặng Hoài Thu	x	01/03/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.25	8.25	6.00	19.50
527	530527	Nguyễn Đức Thuận		21/11/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	3.75	1.50	2.25	7.50
528	530528	Nguyễn Hoàng Thuận		25/05/2010	THCS Hùng Vương (PM)				0.00
529	530529	Nguyễn Minh Thuận		17/12/2009	THCS Hùng Vương (PM)				0.00
530	530530	Trần Ngọc Thuận	x	26/08/2010	THCS Bạch Đằng	7.25	6.75	7.00	21.00
531	530531	Lê Thị Thanh Thủy	x	08/09/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	3.50	4.50	2.50	10.50
532	530532	Trần Ngọc Xuân Thùy	x	23/04/2010	THCS Phước Hòa	5.25	6.50	5.25	17.00
533	530533	Nguyễn Hoàng Thanh Thủy	x	30/07/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.75	8.25	6.25	20.25
534	530534	Vũ Thị Thu Thùy	x	05/08/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	3.25	2.50	1.75	7.50
535	530535	Lê Anh Thư	x	19/08/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	3.25	1.50	1.75	6.50
536	530536	Nguyễn Anh Thư	x	18/05/2010	THCS Bạch Đằng	5.75	4.50	3.50	13.75
537	530537	Trần Lê Minh Thư	x	06/07/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.00	3.25	2.75	11.00
538	530538	Nguyễn Ngọc Anh Thư	x	03/10/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.50	6.50	6.75	18.75
539	530539	Nguyễn Ngọc Anh Thư	x	07/03/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.00	8.50	6.75	20.25
540	530540	Nguyễn Ngọc Anh Thư	x	08/07/2010	THCS Tân Phước	4.50	2.25	2.75	9.50
541	530541	Phạm Ngọc Anh Thư	x	12/05/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	6.50	4.50	3.50	14.50
542	530542	Phạm Ngọc Anh Thư	x	12/09/2010	THCS Phước Hòa	5.75	7.75	7.75	21.25
543	530543	Trần Nguyễn Minh Thư	x	10/02/2010	THCS Hùng Vương (PM)	6.00	6.00	4.75	16.75
544	530544	Sơn Thị Anh Thư	x	21/08/2010	THCS Bạch Đằng	5.50	5.75	4.25	16.50
545	530545	Đào Thị Minh Thư	x	15/11/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.00	5.75	1.75	12.50
546	530546	Nguyễn Thị Minh Thư	x	13/01/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	3.50	2.50	4.00	10.00
547	530547	Điều Thị Thanh Thư	x	02/07/2010	THCS Bạch Đằng	5.00	3.75	2.00	10.75
548	530548	Phan Thị Thanh Thư	x	17/12/2010	THCS Tân Phước	6.25	4.75	5.25	16.25
549	530549	Phan Trần Anh Thư	x	26/07/2010	THCS Phước Hòa	4.00	5.25	4.50	13.75
550	530550	Nguyễn Vũ Minh Thư	x	24/08/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	4.00	3.25	2.50	9.75
551	530551	Hoàng Nguyễn Diệu Thương	x	19/05/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.00	6.75	4.50	16.25
552	530552	Lê Thanh Thương	x	03/12/2010	THCS Bạch Đằng	5.75	6.75	4.25	16.75
553	530553	Nguyễn Hoàng Bảo Thy	x	26/12/2010	THCS Phước Hòa	6.50	8.25	4.00	18.75
554	530554	Nguyễn Lưu Bảo Thy	x	15/04/2010	THCS Phước Hòa	6.50	8.00	5.25	19.75
555	530555	Nguyễn Ngọc Bảo Thy	x	20/02/2010	THCS Phước Hòa	3.75	3.75	3.75	11.25
556	530556	Mai Thị Thy	x	14/10/2010	THCS Hùng Vương (PM)	4.50	4.75	2.00	11.25
557	530557	Phạm Vũ Bảo Thy	x	19/10/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.25	5.00	2.50	12.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
558	530558	Nguyễn Lê Thủy Tiên	x	06/07/2010	THCS Phước Hòa	7.50	7.25	4.75	19.50
559	530559	Tạ Ngọc Cẩm Tiên	x	13/09/2010	THCS Hùng Vương (PM)	7.50	9.50	6.50	23.50
560	530560	Huỳnh Trang Thủy Tiên	x	17/05/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.00	9.00	6.50	20.50
561	530561	Nguyễn Trần Thủy Tiên	x	30/05/2010	THCS Tân Phước	5.00	4.25	3.50	12.75
562	530562	Vũ Minh Tiến		04/09/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.00	3.75	2.50	11.25
563	530563	Phan Quang Tiến		14/01/2010	THCS Phú Mỹ	5.00	6.50	4.00	15.50
564	530564	Nguyễn Tín		20/03/2010	THCS Phước Hòa	4.75	6.25	3.00	14.00
565	530565	Đỗ Gia Tín		08/09/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)				0.00
566	530566	Nguyễn Thái Toàn		15/03/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.75	8.25	8.00	22.00
567	530567	Lê Ngọc Trai		08/01/2010	THCS Bạch Đằng	6.50	8.75	6.50	21.75
568	530568	Tổng Kiều Trang	x	13/01/2010	THCS Phú Mỹ	3.00	4.00	1.25	8.25
569	530569	Đỗ Ngọc Trang	x	01/05/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	4.50	5.25	3.75	13.50
570	530570	Phạm Phương Trang	x	10/05/2010	THCS Bạch Đằng	6.50	8.75	7.50	22.75
571	530571	Hoàng Thị Thùy Trang	x	30/10/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	3.50	3.75	3.00	10.25
572	530572	Đỗ Thị Yến Trang	x	07/06/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.25	4.25	3.00	12.50
573	530573	Trần Thùy Trang	x	20/10/2009	THCS Hùng Vương (PM)	4.50	5.75	1.25	11.50
574	530574	Võ Thùy Trang	x	22/05/2010	THCS Bạch Đằng	7.25	6.75	5.50	19.50
575	530575	Bùi Trần Phương Trang	x	29/01/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.50	5.50	3.00	14.00
576	530576	Trương Thanh Trà		04/06/2010	THCS Hùng Vương (PM)	2.25	2.00	2.00	6.25
577	530577	Trần Bảo Trâm	x	07/01/2010	THCS Phước Hòa	5.75	5.25	7.75	18.75
578	530578	Nguyễn Bá Ngọc Tuyết Trâm	x	27/08/2010	THCS Phước Hòa	6.50	7.50	5.00	19.00
579	530579	Lâm Ngọc Bảo Trâm	x	15/05/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	6.50	6.75	4.25	17.50
580	530580	Lương Nguyễn Bích Trâm	x	30/03/2010	THCS Tân Phước	4.75	1.75	3.25	10.75
581	530581	Ngô Nguyễn Phương Trâm	x	13/12/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.25	8.00	5.50	18.75
582	530582	Lại Quỳnh Ngọc Trâm	x	12/01/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	4.75	5.25	3.50	13.50
583	530583	Hoàng Thị Bích Trâm	x	18/02/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.00	8.25	2.75	16.00
584	530584	Hoàng Thị Kiều Trâm	x	02/07/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	7.00	6.75	3.50	17.25
585	530585	Nguyễn Bảo Trân	x	03/11/2010	THCS Bạch Đằng	7.00	5.75	4.50	17.25
586	530586	Trần Ngọc Bảo Trân	x	16/08/2010	THCS Bạch Đằng	6.50	4.75	3.75	15.00
587	530587	Bùi Quế Trân	x	28/09/2010	THCS Bạch Đằng	6.50	4.75	3.25	14.50
588	530588	Đỗ Trân Trân	x	14/06/2010	THCS Hùng Vương (PM)	6.50	7.00	5.75	19.25
589	530589	Trần Ngọc Diễm Trinh	x	01/07/2010	THCS Phước Hòa	4.75	7.75	6.75	19.25
590	530590	Trần Thị Kiều Trinh	x	27/02/2010	THCS Hùng Vương (PM)	4.00	6.75	2.25	13.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
591	530591	Nguyễn Trinh Trinh	x	07/09/2010	THCS Hùng Vương (PM)	3.75	4.75	4.00	12.50
592	530592	Tô Đức Trí		22/06/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.50	7.75	4.75	18.00
593	530593	Đỗ Đức Trọng		28/11/2010	THCS Bạch Đằng	7.50	8.75	9.00	25.25
594	530594	Lê Minh Trọng		12/05/2009	THCS Phước Hòa	5.75	5.75	4.25	15.75
595	530595	Trần Sang Trọng		13/02/2010	THCS Bạch Đằng	6.25	6.50	3.00	15.75
596	530596	Trần Hoàng Trung		19/12/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	5.50	6.00	2.00	13.50
597	530597	Phạm Quốc Trung		31/01/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.50	9.00	8.00	22.50
598	530598	Đặng Thành Trung		01/01/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	4.75	3.00	3.50	11.25
599	530599	Phạm Minh Trúc		13/10/2010	THCS Phước Hòa	4.50	8.25	3.00	15.75
600	530600	Nguyễn Ngọc Thanh Trúc	x	29/08/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	6.75	8.00	3.00	17.75
601	530601	Đỗ Nguyễn Mỹ Trúc	x	31/10/2010	THCS Hùng Vương (PM)	6.25	7.50	6.25	20.00
602	530602	Châu Thanh Trúc	x	31/03/2010	THCS Bạch Đằng	8.00	5.50	5.25	18.75
603	530603	Nguyễn Thiên Trúc	x	19/11/2009	THCS Bạch Đằng	7.00	8.75	8.00	23.75
604	530604	Nguyễn Ngọc Duy Trường		08/10/2010	THCS Bạch Đằng	7.25	8.00	3.75	19.00
605	530605	Trần Nhật Trường		10/01/2010	THCS Bạch Đằng	6.25	5.75	2.50	14.50
606	530606	Đặng Quang Trường		31/05/2010	THCS Tân Phước	5.50	4.75	2.25	12.50
607	530607	Lê Thanh Trục		09/02/2010	THCS Bạch Đằng	7.00	8.25	7.00	22.25
608	530608	Lê Anh Tuấn		30/03/2010	THCS Bạch Đằng	4.25	5.00	3.25	12.50
609	530609	Phạm Anh Tuấn		07/02/2010	THCS Bạch Đằng	6.25	6.25	3.75	16.25
610	530610	Nguyễn Quang Tuấn		05/03/2010	THCS Hùng Vương (PM)	4.25	1.25	4.25	9.75
611	530611	Trương Văn Tuấn		10/11/2010	THCS Bạch Đằng	5.25	4.25	2.50	12.00
612	530612	Trần Thị Như Tuyền	x	31/10/2010	THCS Phước Hòa	4.25	6.25	4.00	14.50
613	530613	Trần Thị Thanh Tuyền	x	20/11/2010	THCS Bạch Đằng	6.50	6.50	4.50	17.50
614	530614	Vũ Nguyễn Ánh Tuyết	x	21/05/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.25	3.00	1.00	9.25
615	530615	Đỗ Thị Ánh Tuyết	x	25/11/2009	THCS Bạch Đằng	2.25	3.00	2.75	8.00
616	530616	Trần Mỹ Tú	x	12/02/2010	THCS Bạch Đằng	7.50	8.25	7.00	22.75
617	530617	Phạm Nguyễn Cẩm Tú	x	02/09/2010	THCS Hùng Vương (PM)	6.00	3.75	3.75	13.50
618	530618	Đinh Quang Tú		13/08/2010	THCS Phước Hòa	4.00	7.50	3.75	15.25
619	530619	Nguyễn Tấn Tú		27/01/2010	THCS Hùng Vương (PM)	3.25	7.25	5.75	16.25
620	530620	Trần Tấn Tú		19/03/2009	THCS Phước Hòa	4.50	4.00	5.00	13.50
621	530621	Nguyễn Trần Minh Tú	x	26/11/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	4.50	7.00	4.75	16.25
622	530622	Nguyễn Văn Tuấn Tú		20/10/2008	THCS Phước Hòa	5.75	6.75	6.75	19.25
623	530623	Nguyễn Thị Tươi	x	21/03/2010	THCS Bạch Đằng	5.25	6.75	3.75	15.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
624	530624	Nguyễn Đình Tường		04/10/2010	THCS Phước Hòa	4.75	3.50	3.00	11.25
625	530625	Nguyễn Ngọc Minh Tường	x	23/02/2010	THCS Hùng Vương (PM)	4.50	6.25	5.25	16.00
626	530626	Nguyễn Tô Đức Tường		17/06/2009	THCS Bạch Đằng	5.25	6.00	2.50	13.75
627	530627	Vũ Ngọc Bảo Uyên	x	11/05/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	4.50	7.50	5.75	17.75
628	530628	Vũ Thiên Uyên	x	07/12/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.75	9.00	6.00	20.75
629	530629	Nguyễn Xuân Khả Uyên	x	24/05/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	7.25	2.25	4.25	13.75
630	530630	Trần Thị Tỷ Phú Vàng	x	05/05/2010	THCS Bạch Đằng	5.00	5.00	4.50	14.50
631	530631	Nguyễn Văn Minh Vàng		07/09/2010	THCS Hùng Vương (PM)	4.75	6.50	3.25	14.50
632	530632	Võ Thanh Ý Vân	x	01/09/2010	THCS Phước Hòa	6.25	8.00	5.75	20.00
633	530633	Nguyễn Thị Thanh Vân	x	29/07/2010	THCS Bạch Đằng	5.25	3.25	2.50	11.00
634	530634	Nguyễn Thê Vâng		25/08/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	3.50	3.00	2.25	8.75
635	530635	Vũ Ngọc Khánh Vi	x	18/12/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	4.75	5.00	2.50	12.25
636	530636	Nguyễn Đức Việt		19/12/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.00	6.00	4.25	15.25
637	530637	Phạm Quốc Việt		18/11/2010	THCS Phước Hòa	6.00	7.75	5.25	19.00
638	530638	Trần Cao Vinh		19/01/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.50	7.00	5.50	18.00
639	530639	Đào Quốc Vinh		03/10/2010	THCS Hùng Vương (PM)	7.50	7.25	9.75	24.50
640	530640	Trần Đào Lâm Vũ		13/02/2010	THCS Bạch Đằng	3.25	3.75	3.25	10.25
641	530641	Nguyễn Hoàng Gia Vũ		07/07/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.50	8.50	9.25	23.25
642	530642	Hoàng Phi Vũ		17/02/2010	THCS Hùng Vương (PM)	7.00	9.00	9.25	25.25
643	530643	Đoàn Tuấn Vũ		02/12/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	2.75	2.75	2.75	8.25
644	530644	Lưu Hồng Tường Vy	x	21/08/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	2.25	1.25	3.00	6.50
645	530645	Nguyễn Ngọc Diệu Vy	x	24/11/2010	THCS Bạch Đằng	6.50	6.25	4.00	16.75
646	530646	Lê Ngọc Phương Vy	x	04/08/2010	THCS Bạch Đằng	7.25	9.00	8.25	24.50
647	530647	Nguyễn Ngọc Phương Vy	x	04/08/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	7.75	7.25	6.75	21.75
648	530648	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	x	12/10/2010	THCS Kim Đồng	5.00	3.50	3.00	11.50
649	530649	Nguyễn Ngọc Thúy Vy	x	05/01/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	1.25	4.50	4.00	9.75
650	530650	Nguyễn Ngọc Thúy Vy	x	15/05/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	3.00	3.50	2.25	8.75
651	530651	Nguyễn Ngọc Tường Vy	x	21/07/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	4.75	4.00	3.25	12.00
652	530652	Vũ Ngọc Tường Vy	x	19/02/2010	THCS Tân Phước	6.00	7.50	5.75	19.25
653	530653	Vũ Nguyễn Thiên Vy	x	31/07/2010	THCS Phước Hòa	6.25	7.50	7.00	20.75
654	530654	Phan Nguyễn Tường Vy	x	08/06/2010	THCS Hùng Vương (PM)	3.25	7.25	3.50	14.00
655	530655	Huỳnh Phương Vy	x	11/09/2010	THCS Tân Phước	3.25	4.75	3.75	11.75
656	530656	Lê Phương Vy	x	05/04/2010	THCS Bạch Đằng	7.00	5.00	5.25	17.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
657	530657	Nguyễn Thanh Vy	x	02/08/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	4.75	0.75	4.75	10.25
658	530658	Chau Thị Tường Vy	x	02/03/2010	THCS Hùng Vương (PM)	3.25	5.75	1.75	11.75
659	530659	Nguyễn Thị Yến Vy	x	26/06/2010	THCS Phước Hòa	6.75	8.00	7.75	22.50
660	530660	Nguyễn Thị Yến Vy	x	09/07/2010	THCS Phước Hòa	4.75	1.75	3.25	9.75
661	530661	Trương Thúy Vy	x	22/06/2010	THCS Hùng Vương (PM)	6.00	8.50	3.75	18.25
662	530662	Nguyễn Trần Hạ Vy	x	01/11/2010	THCS Phước Hòa	7.75	6.75	5.00	19.50
663	530663	Nguyễn Trần Thảo Vy	x	29/08/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	6.25	8.75	6.25	21.25
664	530664	Nguyễn Tường Vy	x	09/09/2010	THCS Bạch Đằng	7.50	6.25	5.25	19.00
665	530665	Lương Vũ Tường Vy	x	29/11/2010	THCS Bạch Đằng	7.75	8.50	6.75	23.00
666	530666	Đoàn Đại Vỹ		16/08/2009	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.25	4.50	1.75	12.50
667	530667	Phan Thanh Xuân	x	27/03/2010	THCS Bạch Đằng	7.00	7.00	5.75	19.75
668	530668	Nguyễn Bảo Yến	x	25/02/2010	THCS Hùng Vương (PM)	7.25	8.00	4.75	20.00
669	530669	Nguyễn Hồng Hải Yến	x	02/12/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.50	5.25	4.50	15.25
670	530670	Đỗ Mai Hải Yến	x	30/07/2010	THCS Hùng Vương (PM)	7.00	8.75	7.00	22.75
671	530671	Đặng Ngọc Yến	x	19/10/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	5.75	3.50	2.50	11.75
672	530672	Nguyễn Ngọc Yến	x	01/10/2010	THCS Hùng Vương (PM)	6.00	6.75	3.50	16.25
673	530673	Mai Nguyễn Hoàng Yến	x	21/02/2010	THCS Trần Đại Nghĩa (BR)	5.00	0.50	2.00	7.50
674	530674	Lê Thị Hoàng Yến	x	22/10/2009	THCS Tân Phước	4.00	2.00	2.25	8.25
675	530675	Đinh Lê Như Ý	x	23/02/2010	THCS Bạch Đằng	8.00	8.50	7.00	23.50
676	530676	Nguyễn Lê Như Ý	x	02/11/2010	THCS Phú Mỹ	5.50	6.00	6.25	17.75
677	530677	Đoàn Như Ý	x	26/07/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.50	6.75	3.25	15.50
678	530678	Trần Như Ý	x	07/12/2009	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.50	5.50	4.50	15.50
679	530679	Huỳnh Thanh Như Ý	x	10/01/2010	THCS Hùng Vương (PM)	6.00	2.75	3.25	12.00
680	530680	Đàm Thị Như Ý	x	24/12/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)				0.00
681	530681	Văn Thị Như Ý	x	26/07/2010	THCS Bạch Đằng	6.75	6.25	3.00	16.00
682	530682	Vũ Thị Như Ý	x	02/04/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	7.75	8.50	3.50	19.75

Bảng này có 682 thí sinh. Có 675 thí sinh dự thi đủ môn.

* Tổng điểm xét tuyển THPT đã bao gồm điểm ưu tiên, khuyến khích./.